TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HSST
Ngày: 25 - 7 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Vi Tình và bà Trần Thị Bích Vân.
Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Minh - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ (cũ), địa chỉ: tổ dân phố B, xã Đ, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 7 năm 2025, đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 07/3/1996, tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú hiện nay: thôn A, phường A, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: Không; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1965 và bà Đào Thị S, sinh năm 1966; Bị cáo chưa có vợ; Tiền sự: Không; Tiền án: 02 tiền án. Năm 2021 bị Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ xử phạt 07 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Bản án số 14/2021/HSST ngày 10/8/2021 và năm 2022 bị Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ xử phạt 24 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản* theo Bản án số 15/2022/HSST ngày 30/12/2022; Nhân thân: Xấu; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"* từ ngày 28/4/2025 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Võ Văn T1, sinh năm 1984; Nơi cư trú: làng B, xã Đ, tỉnh Gia Lai, có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Ngô Tùng N, sinh năm 1988; Nơi cư trú: tổ B, phường A, tỉnh Gia Lai, có đơn xin vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Đăng H, sinh năm 1997; Nơi cư trú: tổ E, phường A, tỉnh Gia Lai, có đơn xin vắng mặt.

+ Bà Đào Thị S, sinh năm 1966; Nơi cư trú: thôn A, phường A, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 9 giờ 30 phút ngày 24/3/2025, bị cáo Phạm Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 81N1-6905 đi vào xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để chặt mía thì bị lủng lốp xe nên đến trước nhà anh Võ Văn T1 để hỏi chỗ vá lốp xe thì thấy 02 chiếc điện thoại gồm 01 chiếc nhãn hiệu Sam sung A23 màu đen và 01 chiếc nhãn hiệu VIVO màu đen để ở trong rổ xe đạp không có người trông coi. T lén lút trộm 02 chiếc điện thoại trên bỏ vào túi quần rồi đem đến tiệm mua bán điện thoại của anh Ngô Tùng N bán chiếc điện thoại Sam sung A23 màu đen được số tiền là 1.500.000đồng. Sau đó, T tiếp tục đem chiếc điện thoại VIVO màu đen đến tiệm mua bán điện thoại của anh Nguyễn Đăng H bán được số tiền là 150.000đồng. Số tiền trên bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 26/3/2025, bị cáo T đến Công an xã C, huyện Đ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ được: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung A23, màu đen, máy có số IMEI1: 353220824505496/01; IMEI2: 353319904505499/01, máy đã qua sử dụng thu giữ tại nhà của anh Ngô Tùng N và 01 điện thoại nhãn hiệu VIVO, màu đen, máy có số IMEI1: 865685048949918; IMEI2: 865635048949900, máy đã qua sử dụng thu giữ tại nhà của anh Nguyễn Đăng H.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 05/KL-ĐGTS ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai xác định: Trị giá 01 chiếc điện thoại Sam Sung A23, đã qua sử dụng là 1.800.000đồng và trị giá 01 chiếc điện thoại VIVO, đã qua sử dụng là 900.000đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 21/CT -VKS ngày 25/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* và đề nghị căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* của bị cáo xảy ra tại địa bàn huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên về thẩm quyền khởi tố điều tra và truy tố thuộc các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Đ, tỉnh Gia Lai là hợp pháp và đúng thẩm quyền. Sau khi xác nhập Tòa án nhân dân khu vực theo nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 thì thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án Khu vực 13 - Gia Lai. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử

Điều tra viên, Kiểm sát viên và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[2] Xét hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận vào khoảng 9 giờ 30 phút ngày 24/3/2025, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 81N1-6905 đi vào xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (cũ) để chặt mía thì bị lủng lốp xe nên bị cáo đến trước nhà anh T1 để hỏi chỗ vá lốp xe thì thấy 02 chiếc điện thoại để ở trong rổ xe đạp không có người trông coi, bị cáo đã lén lút trộm 02 chiếc điện thoại trên bỏ vào túi quần rồi sau đó đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 05/KL-ĐGTS ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai (cũ) xác định: Trị giá 01 chiếc điện thoại Sam Sung A23, đã qua sử dụng là 1.800.000đồng và trị giá 01 chiếc điện thoại VIVO, đã qua sử dụng là 900.000đồng. Tổng giá trị 02 chiếc điện thoại là 2.700.000đồng.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh T1, đồng thời hành vi trên còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Để có tiền tiêu xài phục vụ cho mục đích cá nhân, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút trộm cắp tài sản, mà đáng lẽ ra bị cáo phải nhận thức được rằng quyền sở hữu tài sản luôn được Nhà nước tôn trọng và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều trái pháp luật. Qua lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa, cùng với các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản án 15/2022/HSST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai, áp dụng tình tiết tái phạm nguy hiểm làm tình tiết định khung hình phạt xử bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"*, sau khi chấp hành xong hình phạt chưa được xóa án tích, lần này bị cáo tiếp tục phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, đây là tình tiết định khung hình phạt cần áp dụng đối với bị cáo.

Từ những nhận định trên đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Phạm Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Pơ đã truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo áp dụng tình tiết tái phạm nguy hiểm định khung hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự nên tính chất nghiêm trọng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Gia đình bị cáo đã bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hành vi tái phạm nguy hiểm của bị cáo được áp dụng làm tình tiết định khung hình phạt, nên không áp dụng làm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Xét về căn cứ áp dụng pháp luật, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt áp dụng cho bị cáo mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa là tương xứng với hành vi của bị cáo, phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị trên.

[5] Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự:

Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã ra quyết định xử vật chứng trả lại 02 điện thoại di động nêu trên cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Võ Văn T1 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Anh T1 đã nhận lại 02 điện thoại di động, anh N và anh H đã nhận đủ số tiền bỏ ra mua 02 chiếc điện thoại trên và bà S không yêu cầu bị cáo hoàn lại số tiền bồi thường. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu T phải bồi thường gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

[2] Xử phạt: Phạm Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày có biên bản bắt bị cáo thi hành án.

[3] Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (25/7/2025) bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13 - Gia Lai;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo và những người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Ngọc Bình